

ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
 PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
 QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDC
 TÊN HỌC PHẦN: SAP
 M? H ỌC PHẦN : MEC - 306

HỌC KỲ 3
 TÍN CHỈ 1
 LẦN THI 1

Ngày thi: 06/01/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
1	152220373	ĐÀO THIÊN	KHÁNH	T16XDC	9				5.4				6.5	6.7	Sau phap	Baý	
2	168212005	LÊ Y	H ỌC	T16XDC	7				4				6	5.7	Nam phap	Baý	
3	168212048	ĐẶNG XUÂN	THU	T16XDC	10				7.2				6	7.1	Baý phap	Mắt	
4	168222063	NGUYỄN ĐÔNG	ANH	T16XDC	10				6.8				7.5	7.8	Baý phap	Tam	
5	168222064	TRẦN VĂN	ANH	T16XDC	7				4.6				6.5	6.1	Sau phap	Mắt	
6	168222066	HỒ TRẦN ANH	BẢO	T16XDC	9				6				7.5	7.4	Baý phap	Bầu	
7	168222067	NGUYỄN PHÚ	CHÂU	T16XDC	8				5.2				4	5.1	Nam phap	Mắt	
8	168222068	BÙI ĐỨC	CHU	T16XDC	10				6.6				7	7.5	Baý phap	Nam	
9	168222070	PHAN Đ?NH	CÔNG	T16XDC	9				5.4				7	7.0	Baý		
10	168222072	LÊ PHƯỚC	ĐẠT	T16XDC	8				4.5				4	4.9	Bầu phap	Chen	
11	168222073	TRẦN Đ?NH	ĐỨC	T16XDC	8				6.3				7.5	7.3	Baý phap	Ba	
12	168222074	TRẦN CÔNG	ĐỨC	T16XDC	7				6				7.5	7.0	Baý		
13	168222075	TRẦN XUÂN	ĐỨC	T16XDC	9				6.4				6.5	7.0	Baý		
14	168222076	TRẦN NHẬT	GIANG	T16XDC	9				7				4	5.8	Nam phap	Tam	
15	168222079	BÙI HỮU NHẬT	HẠNH	T16XDC	9				7				7.5	7.7	Baý phap	Baý	
16	168222080	MAI VĂN	HiỆU	T16XDC	10				6.6				7.5	7.8	Baý phap	Tam	
17	168222081	NGUYỄN VĂN	H?A	T16XDC	10				5.4				7.5	7.5	Baý phap	Nam	
18	168222082	NGUYỄN CẢNH	HOÀN	T16XDC	9				8				4	6.0	Sau		
19	168222084	LÊ MINH	HÙNG	T16XDC	9				6.4				7.5	7.5	Baý phap	Nam	
20	168222085	NGUYỄN THANH	KHA	T16XDC	7				4.4				4	4.7	Bầu phap	Baý	
21	168222087	TRẦN ĐĂNG	KHOA	T16XDC	10				6.8				7	7.6	Baý phap	Sau	
22	168222088	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	T16XDC	10				7				6	7.1	Baý phap	Mắt	
23	168222089	MAI HUỲNH TÂN	LÂM	T16XDC	9				6				6	6.6	Sau phap	Sau	
24	168222090	NGUYỄN QUANG	LIÊN	T16XDC	0				0				6	3.3	Ba phap	Ba	
25	168222092	THÁI BÁ	LINH	T16XDC	10				6.4				5	6.4	Sau phap	Bầu	
26	168222096	THÁI VĂN	LƯỢNG	T16XDC	9				4.6				7.5	7.1	Baý phap	Mắt	
27	168222097	VŨ VĂN	MÃN	T16XDC	10				6.8				7	7.6	Baý phap	Sau	
28	168222098	NGUYỄN VĨNH	NAM	T16XDC	10				7				6	7.1	Baý phap	Mắt	
29	168222099	DƯƠNG XUÂN	NGHIÊM	T16XDC	9				6.2				4	5.6	Nam phap	Sau	
30	168222102	LÊ ĐỨC	PHÚ	T16XDC	10				7				7	7.6	Baý phap	Sau	
31	168222105	NGUYỄN ĐĂNG	SINH	T16XDC	0				0				HP	0.0	Khang		
32	168222107	TRẦN Đ?NH	SƠN	T16XDC	8				4.8				6.5	6.4	Sau phap	Bầu	
33	168222108	LÊ	SỰ	T16XDC	10				6.8				7	7.6	Baý phap	Sau	
34	168222109	TRẦN QUỐC	SỸ	T16XDC	10				6.2				4	5.8	Nam phap	Tam	
35	168222110	ĐÌNH XUÂN	TÂM	T16XDC	7				4.6				4	4.8	Bầu phap	Tam	
36	168222111	PHẠM HỮU	THÀNH	T16XDC	8				5.4				5	5.7	Nam phap	Baý	
37	168222116	NGUYỄN HOÀNG	THUYỀN	T16XDC	9				6.5				5	6.2	Sau phap	Hai	
38	168222117	NGUYỄN VĂN	TIỀN	T16XDC	7				3.5				6	5.6	Nam phap	Sau	
39	168222119	NGUYỄN QUANG	TRUNG	T16XDC	9				6				6.5	6.9	Sau phap	Chen	
40	168222121	NGUYỄN TÂN	TRƯỜNG	T16XDC	10				5.6				6	6.7	Sau phap	Baý	

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
41	168222122	TRẦN Đ?NH	TRƯỜNG	T16XDC	9				6.8				4	5.7	Nằm pháy Baý		
42	168222123	ĐOÀN Đ?NH	TỨ	T16XDC	9				5.8				6	6.6	Sầu pháy Sầu		
43	168222124	MAI PHƯỚC	TỰ	T16XDC	10				6				5.5	6.5	Sầu pháy Nằm		
44	168222126	NGUYỄN VĂN	TUÂN	T16XDC	10				7				4	6.0	Sầu		
45	168222127	TRẦN TRỌNG	TUỜNG	T16XDC	10				5.2				6.5	6.9	Sầu pháy Chèn		
46	168222128	HỒ PHƯỚC	VIỆT	T16XDC	8				5.6				5.5	6.0	Sầu		
47	168222131	LÊ CÔNG	VŨ	T16XDC	9				6.6				6	6.8	Sầu pháy Tầm		
48	168222132	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	T16XDC	7				5.4				5	5.5	Nằm pháy Nằm		
49	152220345	TRƯỜNG CÔNG	ĐUỜNG	T16XDC	0				0				V	0.0	Khăng		
1	0249	NGUYỄN MẠNH	DŨNG	K13XDD	9				6.4				7	7.3	Baý pháy Ba		
2	2399	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	K14XCD	9				5.8				8.5	7.9	Baý pháy Chèn		
3	0233	NGUYỄN NGỌC	PHƯƠNG	T13XDD	6				3.8				5.5	5.2	Nằm pháy Hai		
4	0231	NHAN NGỌC	NHIỆM	T14XDD	9				5.2				8	7.5	Baý pháy Nằm		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	50	94%	
2	Số sinh viên nợ	3	6%	
TỔNG CỘNG :		53	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

L?NH ĐẠO KHOA

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 01 năm 2012

ThS. Nguyễn Hữu Phú